TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 539/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Vũ Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST- DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Địa chỉ: đường E, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Địa chỉ Chi nhánh: đường I, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Liêu Thị Phi N. Địa chỉ: đường T, Phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh D đều trình bày: Ngày 11/5/2016, bà Liêu Thị Phi N có ký hợp đồng tín dụng (HĐTD) với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh S, chi tiết như sau:

1/ Số HĐTD LD1613100597 ngày 11/5/2016: Số tiền vay 180.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, bao gồm 02 giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 655, tờ bản đồ số 9, xã U, huyện P, tỉnh Long An.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay bà N đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 85.220.755 đồng (trong đó gốc 75.000.000 đồng, lãi 10.220.755 đồng). Kể từ ngày 20/3/2017 đến nay, bà N không thanh toán nợ cho ngân hàng theo như thỏa thuận tại HĐTD. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 20/5/2017 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo bảng tổng hợp vốn, lãi thì tạm tính đến ngày 27/9/2018, bà N còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 105.000.000 đồng, tiền lãi 18.756.351 đồng, tổng cộng gốc và lãi 123.736.351 đồng.

2/ Đối với nợ thẻ tín dụng: Ngày 21/03/2016, bà N có ký với ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng. Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của bà N, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10 triệu đồng. Đến ngày 08/12/2016, bà N tiếp tục đề nghị nâng hạn mức sử dụng thẻ tín dụng lên 25 triệu đồng và được ngân hàng chấp nhận. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 152.970.000 đồng (được thể hiện bằng sao kê).

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 133.129.000 đồng và bắt đầu ngừng thanh toán từ ngày 05/4/2017. Do bà N không thanh toán nên số nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/9/2018, dư nợ như sau: Nợ gốc quá hạn: 23.958.121 đồng, lãi quá hạn: 8.605.534 đồng, tổng cộng gốc và lãi: 32.563.655 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả ngay toàn bộ các khoản tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/9/2018 như sau: Đối với hợp đồng tín dụng tổng vốn gốc, lãi là 123.736.351 đồng; tổng nợ thẻ tín dụng 32.563.655 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ. Nếu bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, yêu cầu cho phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 655, tờ bản đồ số 9, xã U, huyện P, tỉnh Long An đã thế chấp, trường hợp phát mãi không đủ để thanh toán nợ vay thì bà N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại biên bản ngày 05/7/2018 bị đơn - bà Liêu Thị Phi N trình bày: Bà xác nhận những nội dung phía nguyên đơn trình bày về quá trình vay vốn và sử dụng thẻ. Do làm ăn bị thua lỗ nên mất khả năng thanh toán. Bà mong ngân hàng tạo điều kiện để tìm người bán đất trả nợ cho ngân hàng. Theo bảng tổng hợp vốn, lãi do phía nguyên đơn cung cấp thì bà xác nhận còn nợ ngân hàng theo HĐTD số LD1613100597 gốc 105.000.000 đồng, nợ thẻ tín dụng với số tiền nợ gốc 23.958.121 đồng, và tiền lãi của các khoản vay. Bà đồng ý thanh toán các khoản nợ bao gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở xã U, huyện P, tỉnh Long An cho ngân hàng

phát mãi. Việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu, bà không đồng ý vì theo bà giá trị của lô đất đó lớn hơn số nợ bà đang vay của Ngân hàng. Do bận đi làm nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số LD1613100597 ký ngày 11/5/2016:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LD1613100597 ký ngày 11/5/2016 giữa Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh S và bà Liêu Thị Phi N có nội dung: Số tiền vay 180.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Và căn cứ vào sự thừa nhận của bà N có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 180.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến nay bị đơn đã thanh toán được nợ gốc 75.000.000 đồng, còn nợ lại 105.000.000 đồng nên bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc này cho nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi, theo sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ thì trong quá trình vay bị đơn chỉ mới trả lãi được 10.220.755 đồng, từ ngày 20/5/2017 toàn bộ số nợ vay đã được chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/9/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi 18.756.351 đồng. Căn cứ vào quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng thì lãi suất được xác định theo thỏa thuận của tổ chức tín dụng với khách hàng. Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp theo quy định nên được chấp nhận.

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 123.736.351 đồng, trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng, nợ lãi là 18.756.351 đồng.

[3.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Ngày 11/5/2016, tại Phòng Công chứng số 1 Long An giữa Ngân hàng TMCP A (Bên nhận thế chấp) và bà Liêu Thị Phi N (Bên thế chấp) có ký với nhau Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Theo đó, các bên thỏa thuận toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp với Ngân hàng được quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1613100597 ký ngày 11/5/2016, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 655, tờ bản đồ số 9, xã U, huyện P, tỉnh Long An. Do vậy, đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi để thu hồi nợ.

[4] Xét yêu cầu đòi gốc, lãi đối với thẻ tín dụng: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/03/2016; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ; phiếu yêu cầu giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Liêu Thị Phi N thì bà N được Ngân hàng duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, căn cứ vào các bản sao kê do nguyên đơn cung cấp thì phía bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 152.970.000 đồng. Quá trình giao dịch bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn được 133.129.000 đồng, từ ngày 05/4/2017 đến nay ngừng thanh toán, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/9/2018, dư nợ tạm tính như sau: Nợ gốc 23.958.121 đồng, nợ lãi 8.605.534 đồng, tổng cộng là 32.563.655 đồng. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn cũng đồng ý thanh toán khoản nợ này cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dược chấp nhận.

[5] Về thời hạn: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 156.300.006 đồng x 5% = 7.815.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 ; Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 463, 299, 307, 317, 322 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bà Liêu Thị Phi N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1613100597 với tổng số tiền là 123.736.351

đồng (bao gồm nợ gốc 105.000.000 đồng, nợ lãi 18.756.351 đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/9/2018, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngay sau khi bà Liêu Thị Phi N thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP A yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp và trả lại cho bà Liêu Thị Phi N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 23/10/2013 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 120 ngày 19/9/2013.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì bà Liêu Thị Phi N phải giao tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 655, tờ bản đồ số 9, xã U, huyện P, tỉnh Long An do UBND huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp ngày 23/10/2013 cho cơ quan thi hành án phát mãi để thanh toán nghĩa vụ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Sau khi trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản phát mãi; nếu tiền bán còn thừa thì sẽ trả lại cho bà Liêu Thị Phi N; nếu tiền bán còn thiếu thì bà Liêu Thị Phi N có nghĩa vụ tiếp tục trả tiếp phần còn thiếu đó.

2. Bà Liêu Thị Phi N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khoản nợ thẻ tín dụng tổng số tiền là 32.563.655 đồng (bao gồm nợ gốc 23.958.121 đồng, nợ lãi 8.605.534 đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/9/2018, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Liêu Thị Phi N phải chịu án phí sơ thẩm là 7.815.0000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.747.909 đồng theo biên lai thu tiền số 0007631 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *TAND Tp.Hồ Chí Minh;*
- *VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;*
- *THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*